

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 30-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đ V H

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà L T M L;

2. Bà C T H C.

- Thư ký phiên tòa: Ông T V Q là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tố A, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 14 khóm An Bình, thị trấn B Ch, huyện T T, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 8 ấp An Thành, xã Lương Phi, huyện T T, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: (cây xăng M V C) Tổ 16, ấp BX, xã AC, huyện TB, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị Tố A trình bày:

Do là chỗ quen biết nên bà Lê Thị Bé B có tham gia chơi hai đầu hui do bà làm chủ hui như sau:

+ Dây hui thứ nhất khai ngày 25/11/2016 (AL), mỗi tháng khai một lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, mỗi đầu hui là 3.000.000 đồng. Bà Bé B tham gia một đầu hui và châu được 3 lần, đến lần khai hui thứ tư thì Bé B hốt được số tiền 54.360.000 đồng (trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng) nên còn lại là 52.860.000 đồng, còn lại 21 lần hui chết chưa châu với số tiền 63.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai khai ngày 15/12/2017 (AL), mỗi tháng khai một lần vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, mỗi đầu hụi là 2.000.000 đồng. Bà Bé B tham gia một đầu hụi và châu được 1 lần, đến lần khai hụi thứ hai thì Bé B hốt được số tiền 34.200.000 đồng (trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng) nên còn lại là 33.200.000 đồng, còn lại 23 lần hụi chết thì bà Bảy có châu cho tôi được vài lần (không nhớ rõ cụ thể), sau đó Bé B bỏ địa phương đi một thời gian rồi quay về nhà thì chúng tôi có gặp nhau thống nhất nợ tiền nợ hụi mà Bé B nợ tôi là 80.000.000 đồng và Bé B có trả tôi thêm 8.000.000 đồng nên số tiền nợ còn lại là 72.000.000 đồng ngưng trả cho đến nay.

Số tiền nợ hụi đã lâu, hai dây hụi cũng đã kết thúc. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Bé B phải trả cho tôi số tiền nợ hụi là 72.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Lê Thị Bé B có mặt tại phiên tòa và trình bày như sau: Tôi thừa nhận có nợ của bà Phạm Thị Tố A số tiền nợ hụi là 72.000.000 đồng, trong biên bản giao tiền hụi ngày 25/2/2017 và 15/01/2018 là do tôi ký và ghi tên khi nhận tiền hụi của bà Tố A. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn phải đi làm thuê ở cây xăng nên không có khả năng trả tiền một lần cho bà Tố A mà xin được trả dần mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T T phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn để vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nhận thấy, bị đơn Lê Thị Bé B có tham gia hai dây hụi do nguyên đơn Phạm Thị Tố A làm chủ, bà Tố A đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền hốt hụi cho bà Bé B theo hai biên nhận ngày 25/2/2017 và 15/01/2018 nhưng Bé B không thực hiện nghĩa vụ châu hụi chết đúng kỳ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi đã châu thay là 72.000.000 đồng của hai dây hụi ngày 25/11/2016 (AL) và dây hụi ngày 15/12/2017 (AL) là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Bà Lê Thị Bé B phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 26 tháng 3 năm 2021 bà Phạm Thị Tố A có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Bé B trả số tiền nợ hụi. Bà Lê Thị Bé B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, ấp An Thành, xã Lương Phi, huyện T T nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau do bà Tổ A làm chủ, gồm 02 dây hụi mở ngày 25/11/2016 (AL) và dây hụi mở ngày 15/12/2017 (AL), bà Bé B đã hót cả 02 dây hụi (có biên nhận giao tiền hụi), bà Tổ A đã giao đủ tiền hụi cho bà Bé B và đến thời điểm xét xử cả 02 dây hụi đều đã kết thúc. Tổng cộng số tiền bà Tổ A đã châu thay cả hai dây hụi là 72.000.000 đồng, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị Bé B trả số tiền châu hụi thay là 72.000.000 đồng dứt điểm một lần và không yêu cầu tính lãi, bị đơn thừa nhận nợ và xin trả dần mỗi tháng là 700.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng góp hụi được xác lập giữa bà Tổ A với bà Bé B trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các chủ thể tham gia có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp nên có hiệu lực làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ với nhau khi tham gia giao dịch. Đây là hợp đồng góp hụi có lãi, trong đó bà Tổ A là chủ hụi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền hót hụi cho bà Bé B đúng, đủ số tiền. Ngược lại bà Bé B không thực hiện nghĩa vụ châu hụi chết đúng kỳ cho bà Tổ A của 02 dây hụi mở ngày 25/11/2016 (AL) và ngày 15/12/2017 (AL) nên việc bà Tổ A kiện yêu cầu bà Bé B trả số tiền 72.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tổ A, buộc Bé B trả cho bà Tổ A số tiền nợ hụi 72.000.000 đồng.

Đối với việc bà Bé B yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 700.000 đồng nhưng không được bà Tổ A chấp nhận, đây là quyền quyết định, tự định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Bé B.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch là 5% của số tiền 72.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 351, Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự;

Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tố A đối với bà Lê Thị Bé B.

Buộc bà Lê Thị Bé B trả cho bà Phạm Thị Tố A số tiền nợ hui 72.000.0000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Bé B phải chịu 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Tố A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0002269 ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T T;
- THADS huyện T T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đ V H